TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07-02-2024
V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1985; Nơi cư trú: Ấp BHH, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Ấp BHH, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 11 năm 2023, bản khai ngày 03 tháng 01 năm 2024 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày: Vào năm 2000, chị quen biết với anh Dương Văn T, tìm hiểu được một thời gian rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTHB (nay là xã TL), huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu hai vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc và có được 03 đứa con, nhưng thời gian sau anh T sanh tật cờ bạc, rượu chè, không quan tâm đến vợ con, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T không nghe, từ đó vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay cảm thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn T. Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2008, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; đối với 02 con chung Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2001 và Nguyễn Văn N2, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2004 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Dương Văn T đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Dương Văn T; về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2008 cho chị Nguyễn Thị G được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không có yêu cầu; còn đối với 02 con chung Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2001 và Nguyễn Văn N2, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2004 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị G trình bày không có, còn anh Dương Văn T không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Dương Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị G và anh Dương Văn T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị G đối với anh Dương Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị Nguyễn Thị G thì cuộc sống của chị và anh Dương Văn T không hạnh phúc nguyên do anh T cờ bạc, rượu chè, không lo lắng cho vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cải nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị G và anh T hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị G là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị G ly hôn với anh Dương Văn T.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2008, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị G và anh T không còn sống chung và hiện nay thì cháu Như Y do chị G chăm sóc, nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Như Y, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Đối với 02 con chung Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2001 và Nguyễn Văn N2,

sinh ngày 21 tháng 02 năm 2004 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị G cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Dương Văn T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Dương Văn T.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Chị Nguyễn Thị G được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 10 tháng 9 năm 2008.

2.2. Anh Dương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị G chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004547 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND X.TL, H.HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng